

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2022/DS-PT

Ngày: 30.12.2022.

V/v: Tranh chấp chia tài sản chung của

Hộ gia đình là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên;

Ông Lâm Bách.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXPT-DS ngày 02/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐ-PT ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1965; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A: Ông **Đặng T**, sinh năm 1962 (Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2019); Có mặt.

Địa chỉ: Số 288/16, đường T, khu phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1964; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **Lê Nữ Linh Đ**, sinh năm 1989; Có mặt

3.2. Anh **Lê Vũ Hoàng Liên S**, sinh năm 1991; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đ, anh S: Ông **Đặng T**, sinh năm 1962 (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2021, 16/6/2021);

Địa chỉ: Số H, đường T, khu phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3.3. Ông **Phạm Đức L**, sinh năm 1982; Có mặt.

3.4. Bà **Lê Thị Kim T**, sinh năm 1985; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.5. Ông **Đạo Thanh T**, sinh năm 1970; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.6. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Minh P** - Giám đốc Chi nhánh N theo văn bản ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông **Lê Văn Q** - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đ thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 573 diện tích 1.043m² và thửa 599 diện tích 955m² cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Đ, xã H, huyện N là đất nhận khoán do Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà năm 1996 gồm 04 nhân khẩu: Bà (Nguyễn Thị A),

ông Lê Văn Q và 02 người con Lê Nữ Linh Đ và Lê Vũ Hoàng Liên S. Năm 2001, bà và ông Q được Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, nhưng phần tài sản này chưa giải quyết. Sau khi ly hôn đất này ông Q vẫn sử dụng, cuối năm 2018 bà phát hiện diện tích đất đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận đứng tên ông Q và ông Q đã chuyển nhượng cho người khác.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nhận khoán có diện tích 1.998m² cho 04 người: Bà (Nguyễn Thị A), ông Lê Văn Q và 02 người con Lê Nữ Linh Đ và Lê Vũ Hoàng Liên S.

Bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Hiện nay vợ chồng ông Phạm Đức L, bà Lê Thị Kim T đang sử dụng đất, bà yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà T giao lại phần đất mà bà được nhận.

Đối với kết quả thẩm định, định giá tài sản ngày 10/7/2020, ngày 22/10/2021 và ngày 27/4/2022 bà đồng ý.

2. Bị đơn ông Lê Văn Q trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 573 diện tích 1.043m² và thửa 599 diện tích 955m² cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Đ, xã H, huyện N là đất nhận khoán do Nhà nước cấp cho hộ gia đình năm 1996 gồm 04 nhân khẩu, cụ thể: ông (Lê Văn Q), bà Nguyễn Thị A và 02 người con Lê Nữ Linh Đ và Lê Vũ Hoàng Liên S. Sau khi nhận ruộng khoán, năm 1997 vợ chồng đã bán cho ông H (không biết họ, năm sinh, địa chỉ cụ thể) ở thôn A, xã X, huyện N với số tiền 1.600.000 đồng. Khi bán có viết giấy tay hiện nay đã thất lạc. Năm 2001, ông và bà A ly hôn, nhưng về phần tài sản vợ chồng ông tự phân chia. Sau khi bán đất cho ông H, sau đó ông H bán lại cho ai thì ông không biết, nhưng năm 2013 ông thấy ông Đạo Thanh T canh tác nên xin chuộc lại với số tiền 10.000.000 đồng (có viết giấy tay).

Năm 2015, ông được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2020 ông chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho vợ chồng ông bà Lê Thị Kim T, Phạm Đức L số tiền 160.000.000 đồng và vợ chồng bà T cũng đã được cấp giấy chứng nhận. Nay bà A khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất với diện tích 1.998m² ông không đồng ý vì đất này ông đã mua lại từ ông Đạo Thanh T.

Về chi phí, kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản, trích lục bản đồ địa chính: đồng ý với ý kiến của bà A.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Đức L, bà Lê Thị Kim T thống nhất trình bày:

Năm 2020 vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng diện tích 1.998m² gồm 02 thửa: thửa 573 diện tích 1.043m² và thửa 599 diện tích 955m² cùng tờ bản đồ 12, tọa lạc tại Đ, xã H, huyện N của ông Lê Văn Q (khi nhận chuyển nhượng đất đã được cấp GCN) với giá 160.000.000 đồng. Vợ chồng đã giao đủ tiền và nhận đất sử dụng và được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 417511 ngày 13/11/2020. Khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông bà có biết thông tin bà Nguyễn Thị A đang khởi kiện tại Tòa án huyện N năm 2019, nhưng nghĩ rằng vụ án đã giải quyết xong nên mới nhận chuyển nhượng. Sau khi cấp giấy chứng nhận bà A khiếu nại sau đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông bà.

Nay bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.998m² vợ chồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, nhưng có ý kiến nếu ai giao tiền theo giá thị trường thì vợ chồng sẽ trả lại đất, ngoài ra không có ý kiến gì.

3.2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh N.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, thông báo cho ngân hàng biết và ngân hàng làm đơn khởi kiện, đóng án phí thì ông Lê Văn Q đã trả nợ tất toán xong gói vay, nên ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn Q.

3.3. Ông Đạo Thanh T:

Năm 1996 ông Dương Tấn H có thực ruộng (thuê ruộng) thời hạn 20 năm từ năm 1996 đến 2016 của vợ chồng ông Lê Văn Q, bà Nguyễn Thị A đất tại Đ, xã H, huyện N nhưng ông H chỉ sử dụng đến khoảng năm 2003, sau đó cho ông thuê lại (chỉ nói miệng) với số tiền khoảng 2.000.000 đồng. Khi ông H cho thuê lại có nói đây là đất thuê của vợ chồng ông Q đến năm 2016, hết hạn phải trả lại. Sau đó ông nhận ruộng canh tác đến năm 2016 ông trả lại ruộng thuê cho ông Q.

Đối với giấy viết tay sang nhượng ruộng lập ngày 01/01/2015 mà ông Q nộp cho Tòa án là do ông Q đến gặp và nhờ ông viết giấy có nội dung sang nhượng ruộng, còn nội dung khác ông không nhớ. Nhưng thực tế ông Q nhờ ông viết giấy sang nhượng nhằm mục đích để hợp thức hóa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong giấy có thể hiện bên nhận tiền là ông, nhưng thực tế ông không nhận tiền. Hơn nữa không có việc ông chuyển nhượng đất cho ông Q vì đây là đất ông thuê hết hạn phải trả.

3.4. Chị Lê Nữ Linh Đ và anh Lê Vũ H ủy quyền cho ông Đ trình bày:

Thông nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ là Nguyễn Thị A, phần của chị Đ và anh S yêu cầu được nhận bằng hiện vật và đề nghị tặng cho bà A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên xử như sau:

Căn cứ: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92; 147, 217, 218; 228; 271; 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 102; các điều 212, 218, 219 Bộ luật dân sự; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về “*Yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất*”.

1.1. Bà Nguyễn Thị A được quyền sử dụng thửa đất số 573 diện tích 1.043m² và thửa 720 (được chỉnh lý từ thửa 599) diện tích 455,5m² cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc Đ, thôn L, xã H, huyện N.

1.2. Ông Lê Văn Q được quyền sử dụng thửa đất số 721 (được chỉnh lý từ thửa 599) diện tích 499,5m² thuộc tờ bản đồ số 12 tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

Hiện nay diện tích 1.998m² đất (gồm thửa đất số 573 diện tích 1.043m² và thửa 599 diện tích 955m²) cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Đ thôn L, xã H, huyện N do vợ chồng ông Phạm Đức L, bà Lê Thị Kim T đang canh tác, buộc ông Linh, bà T phải có nghĩa vụ giao lại đất cho bà A, ông Q.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N. Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh N số tiền tạm ứng án phí 1.620.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng*) theo biên lai 0021527 ngày 16/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 15/8/2022 bị đơn ông Lê Văn Q làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N. Nội dung đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tranh luận: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tranh luận: đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 15/8/2022 của ông Lê Văn Q làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện N, ông Đạo Thanh T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Lê Văn Q không rút đơn kháng cáo, không cung cấp được chứng cứ mới. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Tranh chấp chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất*” là có căn cứ.

[3] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Q:

[3.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận thửa đất số 573 diện tích 1.043m² và thửa số 599 diện tích 955m² (tổng diện tích 2 thửa là 1.998m²) đất nông nghiệp cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Đ, xã H, huyện N là đất do Nhà nước cấp cho hộ gia đình năm 1996 gồm: bà Nguyễn Thị A, ông Lê Văn Q, chị Lê Nữ Linh Đ, anh Lê Vũ H. Nhưng ông Q cho rằng bà A đã bán cho ông H từ năm 1997 và ông là người nhận chuyển nhượng lại từ ông Đạo Thanh T năm

2015 với giá 10.000.000 đồng có giấy viết tay nhưng đã bị thất lạc nên không đồng ý chia tài sản chung diện tích đất này.

[3.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2020 ông Đạo Thanh T trình bày: “Năm 1996 ông Dương Tấn H có thực ruộng (thuê ruộng) 20 năm từ năm 1996 đến 2016 của ông Lê Văn Q tại Đ, H đến năm 2003 ông H giao lại cho ông thuê thời gian còn lại, khi cho ông thuê lại ông H nói đây là đất thuê của ông Q... Ông Q nhờ tôi viết giấy chuyển nhượng này cho ông Q để ông Q hợp thức hóa để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tôi cũng không nhận bất cứ số tiền nào từ ông Q liên quan đến giấy chuyển nhượng... Như vậy thực tế phần đất tôi trả lại cho ông Q là đất thuê (đất thực) không phải là đất do mua bán chuyển nhượng. Nay hết thời hạn thuê tôi đã trả lại” (BL 53, 54). Do đó, việc ông Q cho rằng ông là người nhận chuyển nhượng diện tích đang tranh chấp lại từ ông Đạo Thanh T năm 2015 với giá 10.000.000 đồng là không có cơ sở.

[3.3] Tại danh sách kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 21/01/2015 của UBND huyện N và bản án hành chính số 24/2018/HC-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã xác định: diện tích đất đang tranh chấp là do Ban kinh tế kế hoạch xã H giao khoán cho hộ gia đình ông Q ngày 20/12/1996 (BL 241, BL 45).

[3.4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 1.998m² đất (gồm thửa đất số 573 diện tích 1.043m² và thửa số 599 diện tích 955m²), tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Đ thôn L, xã H, huyện N do nhà nước giao khoán cho hộ gia đình ông Q gồm 04 người gồm: bà Nguyễn Thị A, ông Lê Văn Q, chị Lê Nữ Linh Đ, anh Lê Vũ H và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị A chia đều cho 04 người là đúng pháp luật. Xét thấy chị Đ và anh S tự nguyện cho bà A phần đất của anh chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Năm 2020 ông Q tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng 1.998m² đất trên cho vợ chồng ông Phạm Đức L, bà Lê Thị Kim T. Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Linh, bà Thắm đã được Tòa án giải thích nhưng không có yêu cầu phản tố đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông bà với ông Q nên Tòa án cấp sơ thẩm giành quyền khởi kiện thành một vụ án khác cho vợ chồng ông Phạm Đức L, bà Lê Thị Kim T là không làm thiệt hại đến quyền lợi của ông Linh bà Thắm.

[4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án sơ thẩm 13/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản và án phí:

[5.1] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản: 5.985.000 đồng bà Nguyễn Thị A tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[5.2] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị A phải chịu **8.990.000 đồng** (cách tính: $1.498,5\text{m}^2 \times 120.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$)

Ông Lê Văn Q phải chịu **2.997.000 đồng** (cách tính: $499,5\text{m}^2 \times 120.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

[5.3] *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 26, 35, 92; 147, 217, 218; 228; 271; 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 102; Các điều 212, 218, 219 Bộ luật dân sự; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Lê Văn Q.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về “*Yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất*”.

1.1. Bà Nguyễn Thị A được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 573 diện tích 1.043m^2 và thửa 720 (được chỉnh lý từ thửa 599) diện tích $455,5\text{m}^2$ tờ bản đồ số 12, tọa lạc Đ, thôn L, xã H, huyện N *theo theo Trích sao ngày 21/9/2020 và trích lục bản đồ địa chính ngày 13/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh N.*

1.2. Ông Lê Văn Q được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 721 (được chỉnh lý từ thửa 599) diện tích $499,5\text{m}^2$ thuộc tờ bản đồ số 12 tọa lạc thôn L, xã

H, huyện N *theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 13/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh N.*

2. Buộc vợ chồng ông Phạm Đức L, bà Lê Thị Kim T phải giao diện tích 1.998m² đất (gồm thửa đất số 573 diện tích 1.043m² và thửa 599 diện tích 955m²) cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại Đ, thôn L, xã H, huyện N cho ông Q, bà A.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh N. Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh N số tiền tạm ứng án phí 1.620.000 đồng (*Một triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng*) theo biên lai 0021527 ngày 16/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị A phải chịu 8.990.000 đồng (*Tám triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021258 ngày 11/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, bà A còn phải nộp 8.690.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng*).

Ông Lê Văn Q phải chịu 2.997.000 (*Hai triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Q phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006981 ngày 19/8/2022 do bà Lê Nữ Trang C nộp thay ông Lê Văn Q tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo Trích sao ngày 21/9/2020 và trích lục bản đồ địa chính ngày 13/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh Ninh Hải).

Nơi nhận:

- Đương sự (8);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Hải (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang